

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-BKHĐT

*Hà Nội, ngày tháng năm 2019*

**Dự thảo**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 98/NQ-CP và Nghị quyết 10-NQ/TW) và Chương trình công tác năm 2019 của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ như sau:

**I. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết 98/NQ-CP**

**1. Tình hình triển khai các nhiệm vụ tại Nghị quyết 98/NQ-CP**

Năm 2019, các nhiệm vụ phát triển kinh tế tư nhân đặt ra tại Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 tiếp tục được triển khai một cách tích cực, tập trung vào ba (03) nhóm chủ trương chính sách lớn trong Nghị quyết số 10-NQ/TW là (i) tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân, (ii) hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động và (iii) nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Ngoài ra, các nhiệm vụ khác như nâng cao nhận thức, tư tưởng, hành động về phát triển kinh tế tư nhân; phát triển hạ tầng và tăng cường tiếp cận các nguồn lực; phát triển thị trường các yếu tố;..., cụ thể:

**1.1. Nhận thức, tư tưởng, hành động trong triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tư nhân tiếp tục được thực hiện**

Nhiều diễn đàn, hội nghị, hội thảo về kinh tế tư nhân tiếp tục được tổ chức nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí quan trọng của kinh tế tư nhân cũng như đưa ra các khuyến nghị, đề xuất chính sách để phát triển khu vực này, cụ thể:

- Diễn đàn kinh tế tư nhân đã được Chính phủ phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương đồng tổ chức vào tháng 5/2019 với sự chủ trì và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Kinh tế Trung ương. Diễn đàn có sự tham gia của khoảng 2.500 đại diện của doanh nghiệp, chủ yếu từ khu vực tư nhân, tham gia, bao gồm nhiều doanh nghiệp quy mô lớn. Diễn đàn đề cập tới 3 mục tiêu lớn, gồm: (i) đánh giá quá trình tổ chức thực hiện sau gần 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; (ii) quảng bá thành tựu; và (iii) tạo cơ hội cho khu vực tư nhân đề xuất, kiến nghị để hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

- Ngoài ra, nhiều diễn đàn, hội thảo mà trong đó phát triển kinh tế tư nhân là một nội dung quan trọng như: Diễn đàn thường niên về Cải cách và Phát triển lần thứ 2 năm 2019 (VRDF 2019), ngày 19/9/2019 tại Hà Nội, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) giữa kỳ năm 2019, ngày 26/6/2019 tại Hà Nội, nhiều hội nghị, hội thảo và toạ đàm ở cấp Trung ương và tại các địa phương.

**1.2. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ, nhất quán, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, ít rủi ro, nhằm thu hút đầu tư tư nhân và bảo đảm hoạt động của kinh tế tư nhân cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng theo cơ chế thị trường**

### *Về xây dựng khung pháp luật, chính sách*

Khung pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ sở kinh doanh nói chung và khu vực doanh nghiệp nói riêng tiếp tục được hoàn thiện nhằm tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển, cụ thể:

- Năm 2019, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành một số văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của khu vực doanh nghiệp nói riêng và khu vực kinh doanh nói chung: Luật quản lý thuế (số 38/2019/QH14); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ (số 42/2019/QH14); Luật giáo dục (số 43/2019/QH14).

- Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan cũng đã ban hành các văn bản pháp luật có liên quan như: các văn bản dưới luật: Nghị định về doanh nghiệp khoa học công nghệ (số 13/2019/NĐ-CP); Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (số 39/2019/NĐ-CP); Nghị định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (số 55/2019/NĐ-CP); Thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô (số 05/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính); Thông tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (số 05/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Thông tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên (số 06/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Thông tư hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (số 49/2019/TT-

BTC của Bộ Tài chính); Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các chỉ thị, số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019, số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc;...

- Hiện nay Chính phủ đã và đang dự thảo các văn bản pháp luật quan trọng như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Lao động (sửa đổi), Luật Chứng khoán (sửa đổi), Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành các văn bản điều hành để triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội năm 2019 như các Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 và quyết liệt chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong các nghị quyết này ngay từ đầu năm. Với việc ban hành Nghị quyết về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 (Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019, giai đoạn 2015- 2018 là các nghị quyết 19/NQ-CP) đã thể hiện sự đột phá khi Nghị quyết này đã được ban hành ngay từ ngày đầu năm. Nghị quyết đã đưa ra các mục tiêu và chỉ tiêu một cách cụ thể hơn dựa trên các chỉ số đánh giá môi trường kinh doanh của các tổ chức quốc tế (Ngân hàng Thế giới, Diễn đàn kinh tế thế giới, Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới- WIPO) để đáp ứng được các yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0.

Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019). Mục tiêu của Kế hoạch là: “Thúc đẩy doanh nghiệp khu vực tư nhân tăng trưởng chất lượng và hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc, động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.” Ba mục tiêu cụ thể đối với phát triển khu vực tư nhân theo Kế hoạch này gồm: (i) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp khu vực tư nhân, phấn đấu có ít nhất 1,5 triệu doanh nghiệp vào năm 2025 và 2 triệu doanh nghiệp vào năm 2030; (ii) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường liên kết trong doanh nghiệp khu vực tư nhân. Đến năm 2030, thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nâng tỉ lệ doanh nghiệp tham gia mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu ngang bằng với các nước dẫn đầu trong khối ASEAN (ASEAN-4); và (iii) Giai đoạn 2021-2030, doanh nghiệp khu vực tư nhân có mức tăng trưởng bình quân số lao động đạt khoảng 6-8%/năm; tăng trưởng bình quân thu nhập của người lao động đạt khoảng 25-30%/năm; tăng trưởng bình quân mức đóng góp vào ngân sách nhà nước đạt khoảng 23-25%/năm.

### ***Về đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô***

Năm 2019, kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, tăng trưởng GDP cả năm ước đạt mức 6,8%, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao hàng đầu khu vực, thế giới. Năng suất lao động tăng 5,9%; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đạt 42,7%. Mô hình tăng trưởng chuyển dịch tích cực, giảm dần phụ thuộc vào khai khoáng và tăng tín dụng; đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng tăng.

Nền tảng kinh tế vĩ mô Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) dưới 3%, thấp hơn mục tiêu đề ra. Thị trường tài chính, tiền tệ và tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt và duy trì ổn định phù hợp; dự trữ ngoại hối đạt khoảng 73 tỷ USD. Hệ số tín nhiệm quốc gia được nâng hạng từ BB- lên BB với triển vọng “tích cực”. Tổng thu NSNN vượt 3,3% dự toán; tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng, đạt 26,6%; bội chi NSNN khoảng 3,4% GDP; nợ công giảm còn 56,1% GDP (năm 2016 là 64,6% GDP). Tập trung tháo gỡ khó khăn nhiều mặt nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm. Huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là đầu tư tư nhân với nhiều dự án lớn được triển khai mạnh mẽ. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước khoảng 33,8% GDP; tỷ trọng đầu tư của khu vực ngoài nhà nước tăng lên 45,3%, theo đúng định hướng tăng cường thu hút các nguồn lực xã hội. Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện 9 tháng đạt 14,2 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay.

Điều hành chính sách tài khóa chặt chẽ, tiết kiệm, công khai, minh bạch; điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt theo tín hiệu thị trường, phù hợp với cung cầu ngoại tệ, đảm bảo thị trường ngoại hối hoạt động hiệu quả, thông suốt, đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Công tác quản lý thu, nắm chắc nguồn thu, tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp quản lý thu ngân sách nhà nước phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng tiếp tục được tăng cường. Thanh tra, kiểm tra thuế, tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, nhất là các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan bảo vệ pháp luật. Quản lý chặt các nhiệm vụ chi theo dự toán; đẩy nhanh tiến độ giải ngân và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Tín dụng được vận hành theo hướng linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, góp phần kiểm soát lạm phát hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý. Hệ số tín nhiệm quốc gia được cải thiện. Việt Nam được quốc tế đánh giá là nước cải thiện tốt nhất về năng lực cạnh tranh toàn cầu.

### ***Về cải thiện chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh***

Các Bộ, ngành và địa phương đã tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 (trước đây là Nghị quyết 19 từ năm 2015-2018).

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ đã cho thấy nhận thức về tầm quan trọng của cải thiện môi trường kinh doanh, chất lượng môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia có cải thiện rõ nét. Hầu hết các bộ, ngành và địa phương đã tích cực hơn, chủ động hơn trong triển khai một phần hoặc hầu hết các nhiệm vụ được giao. Năm 2019 cho thấy những chuyên biên tích cực so với năm 2018. Một số vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp được tháo gỡ; tăng thêm niềm tin và động lực cho cộng đồng kinh doanh.

Công nghệ thông tin được áp dụng rộng hơn trong cung cấp các dịch vụ hành chính công ở các cấp từ Trung ương tới địa phương. Ở một số địa phương, hầu hết các dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã được thực hiện ở cấp độ 4, tức là nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ, chấp thuận và trả kết quả đều được thực hiện trong môi trường kết nối điện tử trực tuyến.

Xếp hạng về môi trường kinh doanh năm 2019 mặc dù giảm 1 bậc so với năm 2018, từ hạng 69/190 xuống hạng 70/190, tuy nhiên điểm số xếp hạng lại tiếp tục được cải thiện, tăng từ mức 68,36 (2018) lên mức 69,8 (2019). Một số chỉ số tiếp tục được cải thiện trong năm 2019 so với năm 2018, “Nộp thuế” tăng 22 bậc, từ hạng 131 (2018) lên hạng 104 (năm 2017 xếp hạng 86), “Tiếp cận tín dụng” tăng 7 bậc, từ hạng 32 (2018) lên hạng 25 (năm 2017 xếp hạng 29); “Giải quyết phá sản” tăng 11 bậc, từ hạng 133 (2018) lên hạng 122 (năm 2017 xếp hạng 129). Tuy nhiên, có tới 6/10 chỉ số thành phần có thứ hạng giảm so với năm 2018, trong đó, “Thành lập doanh nghiệp” giảm 11 bậc, từ hạng 101 xuống hạng 115 (năm 2017 xếp hạng 123), “Thực hiện hợp đồng” giảm 6 bậc, từ hạng 62 (2018) xuống hạng 68 (năm 2017 xếp hạng 66), Bảo vệ nhà đầu tư giảm 8 bậc, từ hạng 89 xuống hạng 97 (năm 2017 xếp hạng 81), các chỉ số “Cấp phép xây dựng”, “Đăng ký tài sản” và “Giao dịch thương mại qua biên giới” đều giảm 4 bậc so với năm 2018. “Tiếp cận điện năng” là chỉ số duy nhất không thay đổi về thứ hạng, ở vị trí 27 (năm 2017 xếp hạng 64).

Năng lực cạnh tranh quốc gia không ngừng được nâng lên tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp. Theo Báo cáo của Diễn đàn kinh tế thế giới, năm 2017 năng lực cạnh tranh quốc gia Việt Nam đã tăng 10 bậc (năm 2018 giảm 22 bậc so với năm 2017), từ vị trí thứ 77 năm 2018 lên vị trí thứ 67, với mức điểm số tăng từ 4,06 lên 4,34 (2019), gần bằng với mức 4,4 năm 2017. Một số chỉ số thành phần có mức tăng đáng kể, “Thị trường sản phẩm” tăng 38 bậc, từ hạng 102 (2018) lên hạng 64, “Sự năng động của khu vực kinh doanh” tăng 12 bậc, từ hạng 101 (2018) lên hạng 89, “Năng lực đổi mới” tăng 6 bậc, từ hạng 82 (2018) lên hạng 76, “Thể chế” tăng 5 bậc, từ vị trí 94 lên vị trí 89 (trong đó gánh nặng về quy định pháp luật tăng 17 bậc- từ vị trí 96 lên vị trí 79; hiệu quả của khung pháp lý đối với thay đổi quy định tăng 10 bậc, từ hạng 69 lên 59).

Chỉ số Đổi mới sáng tạo năm 2019 Việt Nam tăng 3 bậc so với năm 2018 (10

bậc so với 2015) đứng thứ nhất trong nhóm 26 quốc gia thu nhập trung bình thấp và thứ 3 trong ASEAN và là năm thứ 3 liên tiếp tăng hạng, trong đó chỉ số “Vốn và con người” tăng 5 bậc, “Khoa học và công nghệ” tăng 8 bậc.

### ***Rào cản pháp lý và quy định về điều kiện kinh doanh tiếp tục được gỡ bỏ và đơn giản hoá***

Năm 2019, thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh tiếp tục được thực hiện cắt giảm một cách thực chất hơn. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí gắn với hoàn thiện thể chế, pháp luật tiếp tục được triển khai quyết liệt. 100% các Bộ, cơ quan đã thành lập Ban Chỉ đạo và Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025. Hiện đã đưa vào vận hành một số hệ thống thông tin nền tảng có ý nghĩa, như: Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (E-Cabinet).

Có 7 Bộ, cơ quan trong số 12 Bộ, cơ quan kiểm tra đã triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (theo Quyết định số 846/QĐ-TTg và Quyết định số 877/QĐ-TTg) Trên 99% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động thực hiện kê khai thuế, nộp thuế điện tử.

Tuy nhiên, theo thống kê thì một số bộ chỉ đạt 10 - 20%, thậm chí có 2 bộ kết quả dưới 10% gồm Bộ Tư pháp (6%), Bộ Quốc phòng (4%). Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cũng cho biết, hiện còn tới 355 văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành, gây khó cho doanh nghiệp thực hiện tra cứu, cập nhật. Không ít trường hợp kiểm tra chồng chéo, một mặt hàng chịu nhiều hình thức quản lý của nhiều bộ, chịu sự kiểm tra của nhiều đơn vị trong cùng một bộ...

Để tiếp tục giải quyết những tồn tại, khó khăn về đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh, Chính phủ đã giao nhiệm vụ cụ thể, gồm: (i) Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tiêu chí, phương pháp xác định để thống nhất cách tính toán số lượng điều kiện kinh doanh, tạo cơ sở cho các bộ, cơ quan thực hiện việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa, hoàn thành trong tháng 9 năm 2019; chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan đề xuất độc lập danh mục các điều kiện kinh doanh cần tiếp tục bãi bỏ, đơn giản hóa, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10 năm 2019; và (ii) Từng bộ, cơ quan khẩn trương rà soát, đề xuất phương án đơn giản, cắt giảm danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh còn chồng chéo, bất cập, hoàn thành trong năm 2019; công bố, công khai các thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa. (Nghị quyết số 69/NQ-CP Phiên họp thường kỳ tháng 8 năm 2019 ngày 13/9/2019). Nghị quyết cũng đặt ra nhiệm vụ đối với cải cách hành chính là phải đảm bảo nguyên tắc “Khi ban hành một văn bản mới (văn bản quy phạm pháp

luật hoặc hành chính) phải bãi bỏ ít nhất một văn bản cũ và phải giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp”.

### ***Về giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp***

Thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, Quý III năm 2019, nhiều Bộ, ngành, địa phương đã tiếp tục rà soát, trình Chính phủ bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh không rõ ràng, không cụ thể, không khả thi; xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của bộ, ngành, địa phương (các bộ: Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các tỉnh: Bình Dương, Đồng Tháp, Tuyên Quang,...). Cụ thể:

- Về cắt giảm các khoản phí, lệ phí có liên quan đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp: Bộ Tài chính đã ban hành 17 Thông tư điều chỉnh mức thu phí, lệ phí do các Bộ, ngành, trong đó, dự kiến bỏ quy định thu 06 khoản phí và 04 khoản lệ phí (được chi tiết thành 17 dòng phí, lệ phí); điều chỉnh giảm mức phí đối với 21 khoản phí và 02 khoản lệ phí (được chi tiết thành 47 dòng phí, lệ phí) với mức giảm khoảng từ 5% - 25% so với mức hiện hành; cá biệt có một số khoản phí điều chỉnh mức giảm lớn hơn.

- Về xây dựng chính sách tiền lương linh hoạt, trả lương theo năng suất, chất lượng công việc: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã rà soát, đề xuất các chính sách lao động, tiền lương phù hợp với năng suất lao động, bảo hiểm xã hội theo mức của ASEAN 4, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người sử dụng lao động và người lao động.

- Về rà soát chi phí cầu đường: Bộ Giao thông vận tải đã cơ bản hoàn thành phương án điều chỉnh giá dịch vụ BOT của 55 dự án BOT đã có giá trị quyết toán. Các bất cập tại trạm thu phí cũng được xử lý quyết liệt và hiện nay, một phần các bất cập tại các trạm thu phí đã cơ bản được giải quyết. Tuy nhiên, tại một số trạm thu phí mặc dù Bộ GTVT phối hợp các bộ, ngành, địa phương và nhà đầu tư triển khai tất cả các biện pháp xử lý, khắc phục bất cập nhưng vẫn chưa thể xử lý dứt điểm. Bộ Giao thông vận tải đang tiếp tục tổng hợp và sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ có giải pháp xử lý dứt điểm đối với các trạm thu phí này.

Trong năm 2019, hệ thống thu phí tự động không dừng sẽ được triển khai tiếp tại các dự án BOT còn lại (hiện nay mới thực hiện ở giai đoạn 1 áp dụng với QL1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên). Giai đoạn 2: Bộ GTVT đã phê duyệt BCNCKT dự án, đang tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đảm bảo triển khai lắp đặt các trạm còn lại trong năm 2019.

Về cải cách kiểm tra chuyên ngành (KTCN): Trong Quý III/2019, các Bộ, ngành tiếp tục rà soát, cắt giảm thực chất 50% số mặt hàng thuộc danh mục mặt

hàng kiểm tra chuyên ngành và thực hiện việc công khai đầy đủ danh mục này, cụ thể:

- Trong lĩnh vực nông nghiệp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cắt giảm, đơn giản hóa hàng hóa phải KTCN từ 7.698 dòng hàng xuống còn 1.768 dòng hàng (tỷ lệ cắt giảm: trên 77%). Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải KTCN đã được công khai đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tổ chức xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ công tác kiểm tra chuyên ngành. 08 tháng đầu năm 2019, Bộ đã ban hành 05 QCVN, hoàn thiện để công bố 63 TCVN. Đến 20/8/2019, ngành Nông nghiệp và PTNT có 1001 TCVN và 217 QCVN, gồm các lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ. Phục vụ kiểm tra chuyên ngành có 481 TCVN và 82 QCVN. 3 tháng cuối năm 2019, Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục ưu tiên xây dựng nhóm tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, cụ thể là các tiêu chuẩn, quy chuẩn để thực thi Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.

- Trong lĩnh vực công thương: Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2314/QĐ-BCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc ban hành phương án cắt giảm thủ tục, danh mục các mặt hàng (kèm theo mã HS) thực hiện kiểm tra chuyên ngành thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương giai đoạn năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Nhiều thủ tục kiểm tra chuyên ngành đã được loại bỏ hoặc cắt giảm trong các nhóm như: 233 mã HS 8 số chiếm khoảng 31% danh mục; dự kiến có 209 mã HS 8 số chiếm khoảng 28% danh mục, 49 mã HS 8 số chiếm khoảng 6,6% danh mục.

Bộ Công Thương cũng công bố đầy đủ các điều kiện kinh doanh đã được bãi bỏ, các điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa trong năm 2018, danh mục điều kiện đầu tư kinh doanh đã được bãi bỏ, đơn giản hóa trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đã được đăng tải trên Cổng thông tin của Bộ Công Thương.

***Về cải cách doanh nghiệp nhà nước, mở rộng khả năng tham gia thị trường, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng.***

Khu vực doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được thực hiện cơ cấu lại theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương số 12-NQ/TW, Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 – 2020 và phương án tổng thể sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Sau khi thành lập Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Chính phủ ban hành đầy đủ các văn bản về thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Ủy ban đã phối hợp với các bộ ngành để



thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước từ các bộ sang Ủy ban. Việc chuyển đổi này là tiền đề cho việc tách chức năng đại diện chủ sở hữu vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước với chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương, từ đó tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.

### ***Về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa***

Các giải pháp về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ tiếp tục được triển khai một cách quyết liệt. Tiếp theo Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 05/3/2018 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019 (số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019) và Chỉ thị về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019).

Chính phủ và các bộ, ngành liên quan đã ban hành và quyết liệt triển khai thực thi nhiều văn bản liên quan đến khuyến khích, hỗ trợ phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân với các văn bản hướng dẫn triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa như: Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; các bộ Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành các thông tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (số 05/2019/TT-BKHĐT, ngày 29/3/2019), về hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên (số 06/2019/TT-BKHĐT, ngày 29/3/2019), về hướng dẫn kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô (số 05/2019/TT-BTC, ngày 25/01/2019), về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (số 49/2019/TT-BTC, ngày 08/8/2019).

Các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo tinh thần Nghị quyết 35 và Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Tính đến hết Quý III/2019, cả nước có trên 50 địa phương xây dựng kế hoạch, đề án hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp. Một số tỉnh/thành phố đã rất chủ động và tích cực xây dựng và thực hiện các chính sách của địa phương về thúc đẩy khởi nghiệp và hỗ trợ DNNVV trên địa bàn như: Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Hà Tĩnh, Bà Rịa Vũng Tàu,...

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên; đồng

thời có văn bản số 6561/BKHĐT-PTDN ngày 11/9/2019 đề nghị các Bộ xây dựng mạng lưới tư vấn viên và lập kế hoạch hỗ trợ tư vấn cho DNNVV thông qua mạng lưới tư vấn viên. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 54/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ DNNVV sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

Năm 2019, ngân sách Trung ương hỗ trợ 35 tỷ để thực hiện đào tạo khởi sự và quản trị DNNVV theo quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP. Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính đã ban hành 04 thông tư hướng dẫn tổ chức các khoá đào tạo cho DNNVV; hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, quản lý, sử dụng kinh phí NSNN hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng mạng lưới tư vấn viên.

### ***Về tăng mức độ an toàn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp***

Khung pháp luật liên quan đến sở hữu tài sản và bảo vệ quyền sở hữu tài sản; bảo đảm quyền tự do hợp đồng và thực thi hiệu lực các hợp đồng; bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát độc quyền kinh doanh tiếp tục được bổ sung, sửa đổi để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Hiện Chính phủ đã hoàn thiện và trình Quốc hội dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) và Luật Đầu tư (sửa đổi) để cho ý kiến trước khi thông qua vào năm 2020. Một trong những nội dung quy định được sửa đổi là nhằm bảo vệ quyền của nhà đầu tư.

Bộ Tư pháp đã đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật cho phù hợp với các Hiệp định tự do thương mại và các cam kết quốc tế khác, ví dụ như các luật để thực thi CPTPP: Bộ Luật Hình sự, Bộ Luật Lao động, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Kinh doanh bảo hiểm...; đề xuất các giải pháp trong quá trình thẩm định, rà soát pháp lý để vận dụng hợp lý các quy định linh hoạt trong các cam kết quốc tế để bảo vệ tối đa lợi ích của Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam, ví dụ các quy định có lợi như: quy định về bản quyền trong sở hữu trí tuệ khi xem xét phê chuẩn CPTPP, hoặc quy định về biện pháp khẩn cấp khi thực thi chương Kiểm dịch động thực vật của Hiệp định CPTPP.

Tuy nhiên, hiện nay mức độ bảo vệ nhà đầu tư còn chưa thực sự thu hút người đầu tư. Thủ tướng Chính phủ, khi thảo luận về dự thảo Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) và Luật Đầu tư (sửa đổi) tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá 14 đã nhận định “Trong dân nguồn lực còn rất lớn nhưng chưa kêu gọi được, chưa có luật pháp bảo vệ họ thì họ không thể bỏ vốn ra được”. Do vậy, việc đảm bảo quyền đối với nhà đầu tư cần tiếp tục được tăng cường để ngày càng khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động kinh doanh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

### ***Về phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường***

Các cơ chế, chính sách nhằm phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường tiếp tục được Chính phủ và các cơ quan liên quan triển khai trên cơ

sở các nhiệm vụ trong chương trình kế hoạch năm cũng như các nhiệm vụ cụ thể được giao. Các loại thị trường ngày càng phát triển theo hướng thị trường và hiệu quả hơn. Đặc biệt đối với các thị trường các yếu tố đầu vào cho hoạt động kinh doanh. Cụ thể:

- Thị trường vốn tiếp tục có những cải thiện đáng khích lệ, tạo điều kiện để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận với nguồn lực tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cơ chế chính sách hỗ trợ các mô hình hoạt động tài chính vi mô tiếp tục được hoàn thiện với việc ban hành các Thông tư số 05/2019/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô. Ngân hàng Thế giới xếp hạng Việt Nam về chỉ số tiếp cận tín dụng ở vị trí 25/190 (tăng 7 bậc so với năm trước). Thị trường tài chính, tiền tệ và tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt và duy trì ổn định phù hợp; dự trữ ngoại hối đạt khoảng 73 tỷ USD. Hệ số tín nhiệm quốc gia được nâng hạng từ BB- lên BB với triển vọng “tích cực”.

+ *Đối với thị trường tài chính:* Khung pháp luật cho sự hình thành và vận hành của các thành tố thị trường đã được ban hành và hoàn thiện đã tạo điều kiện cho sự phát triển thị trường tài chính. Về tổng thể, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020 (Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18/4/2012). Ngoài ra, nhiều văn bản có liên quan cũng được ban hành.

+ *Đối với thị trường tiền tệ:* Sau khi Luật Ngân hàng nhà nước và Luật Các tổ chức tín dụng (năm 2010) được ban hành, các văn bản hướng dẫn đã được ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung các cơ chế để hỗ trợ quá trình điều hành chính sách tiền tệ hiệu quả, phát triển thị trường tiền tệ; các cơ chế chính sách tín dụng nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng, bổ sung các nghiệp vụ mới để tạo thuận lợi cho các tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả; các cơ chế, chính sách tăng cường quản lý ngoại hối, thị trường vàng góp phần ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối; hệ thống các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

+ *Đối với thị trường chứng khoán:* Chiến lược Phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 1/3/2012), Đề án tái cấu trúc thị trường chứng khoán (Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 06/12/2012) nhằm mục tiêu phát triển thị trường chứng khoán ổn định, vững chắc, cấu trúc hoàn chỉnh với nhiều cấp độ, đồng bộ về các yếu tố cung - cầu; tăng quy mô và chất lượng hoạt động, đa dạng hóa các sản phẩm, nghiệp vụ, đảm bảo thị trường hoạt động hiệu quả và trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng của nền kinh tế. Hiện tại, Luật Chứng khoán đang trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi để đảm bảo đồng bộ với khung pháp luật. Bên cạnh việc hoàn thiện Luật Chứng khoán, nhiều văn bản góp phần làm lành mạnh hóa các chủ thể vận hành trên thị

trường chứng khoán cũng được ban hành<sup>1</sup>.

+ *Đối với thị trường trái phiếu*: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thị trường trái phiếu đã được ban hành khá đầy đủ<sup>2</sup>. Lộ trình phát triển thị trường trái phiếu Việt Nam đến năm 2020 cũng được xác định rõ (Quyết định số 261/QĐ-BTC ngày 01/3/2013 của Bộ Tài chính, Quyết định số 1191/QĐ-TTg, ngày 14/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ). Tiếp đó, các quy định và các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường trái phiếu hình thành và phát triển theo thông lệ quốc tế đã được hoàn thiện (Nghị định số 95/2018/NĐ-CP, ngày 30/6/2018, Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018).

+ *Đối với thị trường bảo hiểm*: Khung pháp luật về thị trường bảo hiểm ngày càng được hoàn thiện sau khi Luật kinh doanh bảo hiểm (2010) được ban hành (Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28/11/2011 của Chính phủ). Bên cạnh đó, Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã được ban hành (Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 15/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án tái cấu trúc các công ty bảo hiểm (Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 06/12/2012); Đề án cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 242/QĐ-TTg, ngày 28/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ).

- Thị trường quyền sử dụng đất, thị trường bất động sản: Thị trường quyền sử dụng đất, đặc biệt là thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp đã phát triển nhanh với tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được thuê, mua ngày càng tăng. Tuy nhiên, nhiều rào cản chính sách trong tích tụ đất nông nghiệp vẫn tồn tại, cụ thể: hạn mức nhận chuyển nhượng sử dụng đất nông nghiệp vẫn còn hạn chế, không quá 10 lần hạn mức được giao; doanh nghiệp trong nước không được giao đất có thu tiền sử dụng đất nông nghiệp mà chỉ được thuê đất để đầu tư sản xuất nông nghiệp. Do đó, dù đã phát triển nhưng thị trường quyền sử dụng đất vẫn chưa tạo chuyển biến mạnh mẽ, thúc đẩy tích tụ ruộng đất, sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Bên cạnh đó, các quy định pháp luật liên quan (tài chính, thuế) đối với đất

---

<sup>1</sup> như Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 134/2017/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 115/2017/TT-BTC hướng dẫn công tác giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán (và sửa đổi tại Thông tư số 35/2019/TT-BTC); Thông tư số 116/2017/TT-BTC hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (và sửa đổi tại Thông tư số 13/2019/TT-BTC); Thông tư số 87/2017/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

<sup>2</sup> như Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương; Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

đại, hoạt động kinh doanh bất động sản cũng được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung (Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 ban hành hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước,...)

- Thị trường lao động: Thể chế phát triển thị trường lao động tiếp tục thể chế hóa theo hướng phát huy hơn nữa quyền bình đẳng của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động, tăng cường đối thoại tại nơi làm việc, phát huy dân chủ, lao động sáng tạo của người lao động tạo sự cởi mở trong quan hệ lao động giữa người lao động, đại diện tập thể lao động với người sử dụng lao động (Bộ Luật Lao động năm 2012, các văn bản hướng dẫn thi hành, các nghiên cứu nhằm dự báo khớp nối cung cầu).

Bên cạnh đó, khung pháp luật và chính sách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động đã được ban hành (Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020).

- Thị trường khoa học và công nghệ: Khung pháp lý cho hình thành và phát triển thị trường KH&CN đã được tạo lập khá đồng bộ (Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013- thay thế Luật năm 2000; Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017, thay thế Luật năm 2006; và hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó quy định cơ chế quản lý, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ; nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp; nâng cao trình độ thiết kế, chế tạo trong nước).

### ***Về bảo vệ sản xuất trong nước***

- Trong Quý III/2019, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành tiếp tục triển khai quyết liệt công tác quản lý thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn không để hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, không đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Đầu tháng 9/2019, Bộ Công Thương đã chỉ đạo lực lượng Quản lý thị trường mở đợt cao điểm kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về kinh doanh mặt hàng đường cát tại các tỉnh miền Trung và miền Nam nhằm ngăn chặn việc lợi dụng sản xuất, sang chiết, phối trộn, đóng gói, thanh lý,... mặt hàng đường của các tổ chức, cá nhân nhằm hợp thức hóa đường nhập lậu. Trong 9 tháng năm 2019, lực

lượng Quản lý thị trường phát hiện, xử lý trên 59.300 vụ vi phạm; thu nộp ngân sách nhà nước trên 340 tỷ đồng. Ước trị giá hàng tịch thu chưa bán trên 140 tỷ đồng.

- Việt Nam, với mức cắt giảm thuế quan hầu hết về 0% theo 13 FTA, là một trong những nền kinh tế có độ mở cao nhất thế giới. Do đó, bảo vệ sản xuất trong nước, đặc biệt là thông qua cơ chế phòng vệ thương mại có vai trò rất quan trọng. Công cụ này đang được triển khai một cách tích cực:

+ Khung pháp lý, chính sách về phòng vệ thương mại tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện. Trên cơ sở Luật Quản lý ngoại thương (có một chương riêng về phòng vệ thương mại) và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định số 10/2018/NĐ-CP “Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại”, Thông tư số 06/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương “Quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại”), Bộ Công Thương năm 2019 đã xây dựng báo cáo “Xây dựng Chương trình tổng thể về sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số ngành sản xuất” (do Cục Phòng vệ thương mại chủ trì).

+ Công tác thực thi các quy định liên quan đến phòng vệ thương mại tiếp tục được tăng cường. Hiện nay, Bộ Công Thương đang thực hiện điều tra 5 vụ, việc khác đối với các sản phẩm, như nhôm thanh định hình, ván gỗ công nghiệp, màng BOPP, thép phủ màu, thép cán nguội, đồng thời tiếp tục theo dõi chặt chẽ để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất trong nước triển khai các biện pháp PVTM để bảo vệ các ngành sản xuất trong nước một cách phù hợp.

Các biện pháp phòng vệ thương mại đã và đang áp dụng góp phần bảo vệ việc làm của trên 100.000 người lao động trong các lĩnh vực nói trên, khuyến khích sản xuất trong nước phát triển và hỗ trợ cân bằng cán cân thanh toán quốc tế. Nhờ công cụ phòng vệ thương mại, nhiều doanh nghiệp thuộc một số ngành kinh tế đã cải thiện đáng kể tình hình sản xuất, kinh doanh, thoát khỏi thua lỗ và từng bước ổn định sản xuất, như Công ty Phân bón DAP Hải Phòng, Công ty Thép Việt Trung, Công ty Thép Việt Ý, Công ty Thép Pomina,...

+ Để tiếp tục chiến lược bảo vệ sản xuất, ngày 28-3-2019 Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 755/QĐ-BCT về “Chương trình tổng thể về sử dụng và ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm hỗ trợ phát triển một số ngành công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020, xét đến 2025”. Chương trình tổng thể về phòng vệ thương mại nhấn mạnh việc thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại để hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam. Chương trình nêu rõ các cơ chế, chính sách về các biện pháp phòng vệ thương mại đối với các ngành công nghiệp cần gắn liền với chiến lược, chính sách phát triển công nghiệp quốc gia, đặc biệt là các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp hỗ trợ, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bộ Công Thương cũng đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ*” (ngày 04/77/2019).

Theo thống kê, tính đến hết tháng 10/2019, Bộ Công Thương đã khởi xướng điều tra 15 vụ việc phòng vệ thương mại, trong đó gồm 8 vụ việc chống bán phá giá, 6 vụ việc tự vệ và 1 vụ việc chống lẩn tránh thuế tự vệ.

### **1.3. Về tăng cường khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng và các nguồn lực**

Gần đây, Chính phủ và các cơ quan liên quan đã có những quy định, chính sách nhằm tăng cường khả năng tiếp cận của khu vực kinh doanh, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp của tư nhân, ví dụ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Cụ thể:

(i) Đối với việc tăng cường khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng:

Đã có chính sách nhằm tập trung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư tư nhân và thúc đẩy triển khai các dự án trọng điểm (Chuẩn bị tích cực để sớm triển khai xây dựng các dự án trọng điểm, như: tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành, mở rộng cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, nghiên cứu tiền khả thi đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, thu phí tự động không dừng); nhiều công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng. Tỷ trọng lao động khu vực nông nghiệp chỉ còn 35,2%. Tạo việc làm cho 1,62 triệu lao động; mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội lên 32,5%.

(ii) Về tiếp cận các nguồn lực:

Chính phủ và các bộ ngành đã ban hành các quy định, chính sách nhằm tạo điều kiện và hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực phục vụ hoạt động kinh doanh. Cụ thể:

- Về tiếp cận tín dụng: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2019/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các bộ, ngành cũng đã ban hành các văn bản có liên quan như Thông tư số 05/2019/TT-BTC ngày 25/01/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô. Các quy định, chính sách đã đem lại những kết quả tích cực:

+ Lãi suất cho vay đã được điều chỉnh giảm nhằm chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, cụ thể: (i) Điều chỉnh giảm 0,25%/năm các mức lãi suất điều hành của NHNN; Theo đó, kể từ ngày 13/9/2019, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6,25%/năm xuống 6%/năm; lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,25%/năm xuống 4,0%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN

Việt Nam đối với các ngân hàng từ 7,25%/năm xuống 7,0%/năm; (ii) Giữ nguyên lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của các TCTD đối với các lĩnh vực ưu tiên là 6,5%/năm; lãi suất tối đa bằng VND đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng (1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng).

Nhằm tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, từ cuối tháng 7/2019, một số Ngân hàng thương mại đã công bố giảm 0,5%/năm lãi suất cho vay áp dụng đối với các khoản vay ngắn hạn trong một số lĩnh vực ưu tiên, sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc áp dụng các chương trình cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp. Đây là lần thứ hai kể từ đầu năm 2019 các ngân hàng giảm lãi suất cho vay. Việc giảm lãi suất cho vay của các NHTM, xuất phát từ nhu cầu của khách hàng và sự chia sẻ của ngành Ngân hàng đối với nền kinh tế.

+ Khả năng tiếp cận thông tin tín dụng tiếp tục được cải thiện với việc NHNN tiếp tục nâng cao chất lượng cơ sở thông tin tín dụng (TTTT) quốc gia cả chiều rộng và chiều sâu, mở rộng nguồn thông tin từ các nguồn thông tin phi truyền thống.

Độ phủ thông tin đã được mở rộng. Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC) đã thu thập được thông tin từ 122 đầu mối TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trên 1.100 quỹ tín dụng nhân dân, các tổ chức tài chính vi mô chính thức và trên 49 tổ chức tự nguyện tham gia hoạt động TTTD. Kết quả trong quý III/2019, độ phủ TTTD tiếp tục được cải thiện so với tháng trước, tăng trên 1,1 triệu lượt khách hàng vay (trên 4.661.061 hồ sơ vay mới), nâng tổng số khách hàng trong kho dữ liệu TTTD quốc gia lên trên 41,8 triệu khách hàng.

Chiều sâu thông tin tín dụng cũng được nâng cao với việc CIC tiếp tục duy trì thu thập ổn định các loại thông tin về dư nợ, hợp đồng tín dụng, tài sản bảo đảm, thẻ tín dụng, tài chính doanh nghiệp, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp từ các TCTD, đảm bảo chất lượng thông tin được duy trì, đều đạt từ trên 98% đến 100%.

+ Tính minh bạch của thông tin tín dụng tiếp tục được nâng lên, góp phần cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng vay: Trong Quý III/2019, CIC đã thực hiện phê duyệt thêm khoảng 13,6 nghìn tài khoản cá nhân đăng ký khai thác báo cáo chấm điểm tín dụng qua cổng thông tin kết nối khách hàng của CIC, nâng tổng số khách hàng được phê duyệt đạt 36,3 nghìn khách hàng;

- Về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường và đảm bảo công bằng, bình đẳng trong kinh doanh:

+ Ngày 30/6, Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam – EU (EVFTA và IPA) chính thức được ký kết tại Hà Nội sau hành trình 9 năm đàm phán. Các hiệp định này sẽ đem lại những cơ hội và lợi ích rất lớn cho



các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia vào thị trường Châu Âu.

+ Để hỗ trợ doanh nghiệp khai thác tối đa các cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do: Bộ Công Thương đã có nhiều hoạt động, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hỗ trợ các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận thị trường, chuẩn bị thủ tục, nguồn hàng hóa xuất khẩu sang các thị trường các nước khi CPTPP có hiệu lực. Bộ cũng đã tập trung trong công tác tuyên truyền, phổ biến: Nâng cấp toàn bộ cấu trúc và nội dung của chuyên trang thông tin CPTPP<sup>3</sup>.

Ngoài ra, Bộ cũng tiếp tục triển khai Chương trình xúc tiến thương mại (XTTM) quốc gia năm 2019 gồm 201 đề án với tổng kinh phí Nhà nước hỗ trợ là 125 tỷ đồng, trong đó tiếp tục ưu tiên cho các hoạt động XTTM phát triển thị trường nội địa, đặc biệt tạo lập kênh phân phối ở nông thôn, miền núi, biên giới, các địa phương còn khó khăn.

- Về hoạt động đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật cao:

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ký kết Chương trình phối hợp công tác với VCCI, một số Hiệp hội, Tập đoàn, Tổng công ty lớn, v.v. trong việc tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN).

Doanh nghiệp tham gia từ khâu tuyển sinh, xây dựng chuẩn đầu ra, xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập; đánh giá kết quả và tuyển dụng người học sau khi tốt nghiệp; nhiều cơ sở GDNN đã thực hiện ký kết các hợp đồng đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; cơ chế phối hợp, liên kết giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp sử dụng lao động đối với hoạt động GDNN; việc tham gia của doanh nghiệp trong đào tạo theo hình thức đấu thầu, đặt hàng của Nhà nước, đào tạo nhân lực tại chỗ của doanh nghiệp; cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo về nhu cầu nhân lực.

- Về hỗ trợ tiếp cận, ứng dụng công nghệ; đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ:

+ Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục tăng cường hỗ trợ DN chuyển giao, đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển sản phẩm thông qua hệ thống các chương trình KH&CN quốc gia. Mạng lưới các Trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ hiện nay bao gồm 30 viện/trường được kết nối với nhau để hỗ trợ tiếp cận thông tin KH&CN, khai thác tiềm năng đổi mới sáng tạo, xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đã và đang hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho 100 lượt sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản mang địa danh.

---

<sup>3</sup> <http://cptpp.moit.gov.vn>.

+ Tiếp tục triển khai các dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020; tiếp tục hỗ trợ cho 034 sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam đăng ký chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản theo Bản ghi nhớ Việt Nam - Nhật Bản; hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị chủ trì dự án triển khai 045 dự án áp dụng sáng chế. Các nhiệm vụ thuộc Chương trình đang chuẩn bị cho công tác nghiệm thu, đánh giá kết thúc giai đoạn 2016-2020.

Cũng trong khuôn khổ Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020, Bộ đã gửi đi thông báo về việc hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích tại Việt Nam đối với các giải pháp kỹ thuật đến các tổ chức cá nhân có quan tâm, cụ thể là: Hỗ trợ tra cứu tài liệu kỹ thuật có liên quan phục vụ việc đăng ký; hoàn thiện Hồ sơ đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích (lập bản mô tả, tờ khai và các tài liệu cần thiết khác); hướng dẫn nộp Hồ sơ đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích. Trong đó, hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện các công việc: tra cứu tài liệu kỹ thuật, lập và hoàn thiện Hồ sơ đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích.

+ Tổ chức hướng dẫn và tăng cường các giải pháp chủ động hỗ trợ các địa phương, các doanh nghiệp đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ:

+ Trong 08 đầu năm 2019, số lượng đơn sáng chế được xử lý kết thúc thẩm định nội dung (tính từ 01/01/2019 đến 31/8/2019) là 3.864 đơn (trong đó, 3.517 đơn Sáng chế và 347 đơn Giải pháp hữu ích):

Đã tổ chức 7 khóa đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ cho các địa phương với 445 lượt người tham dự<sup>6</sup>; đến nay, mạng lưới các Trung tâm sở hữu trí tuệ và chuyên gia công nghệ đã bao gồm 30 viện/trường được kết nối với nhau để hỗ trợ tiếp cận thông tin KH&CN, khai thác tiềm năng đổi mới sáng tạo, xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Triển khai Hệ thống quản trị đơn sở hữu công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ (WIPO IPAS) với nhiều ưu điểm nổi trội so với hệ thống quản trị hiện đang vận hành.

Phối hợp với các địa phương: Gia Lai, Quảng Ngãi, Cao Bằng, Điện Biên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Sóc Trăng, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk, Hòa Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Nam Định, Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ, Bắc Kạn, Lào Cai tổ chức 26 lớp tập huấn về SHTT dành cho doanh nghiệp, hiệp hội, hợp tác xã với gần 1.800 lượt người tham dự.

---

<sup>4</sup> Thanh Long Bình Thuận của tỉnh Bình Thuận, Cà phê Buôn Ma Thuột của tỉnh Đắk Lắk, Vải thiều Lục Ngạn của tỉnh Bắc Giang.

<sup>5</sup> “Hệ đo quang thông”; “Phương pháp chiết xuất lá và rễ cây dâu tằm bằng Ethanol”; “Hỗn hợp dùng tại chỗ điều trị các tổn thương viêm, nhiễm trùng, được phâm và kit chứa hỗn hợp này” và “Máy phát laze màu phản hồi phân bố đập tắt”.

<sup>6</sup> Đến từ các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học.

#### **1.4. Hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động**

Nhiều văn bản, chính sách đã được ban hành và triển khai nhằm hỗ trợ khu vực kinh doanh, trong đó có doanh nghiệp khu vực tư nhân triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Cụ thể:

- Việc ra đời của các Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV và Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo đã tạo khung pháp lý cụ thể cho hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo.

- Gần đây, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó chú trọng đến vấn đề khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, trước mắt tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP.HCM. Đây cũng sẽ là cơ sở quan trọng để hình thành khung pháp luật và chính sách nhằm hỗ trợ đối với doanh nghiệp tư nhân đổi mới sáng tạo.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) đã trình Thủ tướng Chính phủ Đề án thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia và xây dựng Nghị định về cơ chế, chính sách ưu đãi và khuyến khích đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia; phối hợp với UBND thành phố Hà Nội tổ chức Diễn đàn Khởi nghiệp sáng tạo Hà Nội 2019 (ngày 29/8/2019) với mục tiêu tạo cầu nối, mang những người tiên phong và những startup tốt nhất đến từ khắp nơi trên thế giới đến Việt Nam để các startup Việt Nam có được những cái nhìn và trải nghiệm đa dạng; phối hợp với Bộ KH-CN, trường đại học Bách Khoa Hà Nội và một số cơ quan khác tổ chức Ngày hội trí tuệ nhân tạo Việt Nam AI4VN nhằm thúc đẩy hệ sinh thái trí tuệ nhân tạo.

- Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam nhằm giải quyết một số nội dung như: xác định 04 nhóm doanh nghiệp công nghệ, phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam; phát triển sản phẩm Make in Vietnam, tiến tới hình thành Quỹ phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam.

- Bộ Khoa học và Công nghệ: Tiếp tục triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844). Tập trung đẩy mạnh công tác truyền thông về hệ sinh thái ĐMST theo nhiều phương thức mới; đã hỗ trợ tổ chức 244 khóa đào tạo, tập huấn về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho hơn 23.000 người nằm trong chủ thể hệ sinh thái khởi nghiệp. Trong đó, 02 đối tượng được Đề án 844 hỗ trợ đào tạo trọng tâm một là nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp (chiếm 36% tổng số khóa đào tạo) và hai là cán bộ quản lý địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở giáo dục,

ươm tạo khởi nghiệp,...(chiếm 30% tổng số khóa đào tạo) nhằm nâng cao tư duy khởi nghiệp cho các cấp quản lý từ đó có những chính sách, những hành động thiết thực mang lại môi trường lý tưởng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam phát triển.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ học sinh sinh viên khởi nghiệp đến năm 2015 (Đề án 1665). ban hành Kế hoạch số 217/KH-BGDĐT ngày 22/3/2019 triển khai Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” của ngành Giáo dục năm 2019; Quyết định số 1082/QĐ-BGDĐT ngày 22/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thể lệ Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” năm 2019 (SV.STARTUP-2019); Kế hoạch số 443/KH-BGDĐT ngày 28/5/2019 tổ chức Ngày hội Khởi nghiệp Quốc gia của học sinh, sinh viên năm 2019 nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên; thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chung tay hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp.

- Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

Theo Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ<sup>7</sup>, hiện nay có khoảng trên 70 quỹ đầu tư mạo hiểm (con số này tại thời điểm tháng 6/2018 là khoảng 40). Ngoài ra, nhiều cơ sở ươm tạo (BI), tổ chức thúc đẩy kinh doanh (BA), và khu làm việc chung dành cho khởi nghiệp cả nước tiếp tục được thành lập mới và củng cố hoạt động (đối với cơ sở đã hoạt động) nhằm hỗ trợ cho đổi mới sáng tạo.

Nhiều địa phương tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân đổi mới sáng tạo thông qua các hình thức như: ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ (kết nối tư vấn chuyên gia, chuyển giao công nghệ, tổ chức hội thảo trình diễn công nghệ, kết nối cung- cầu công nghệ như Chợ công nghệ); phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; ban hành Chương trình hỗ trợ DNNVV đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế (hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp các dự án khởi nghiệp sáng tạo: tư vấn, đào tạo, kết nối ươm tạo; thành lập Ban điều hành hệ sinh thái; hỗ trợ đào tạo về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp cho giảng viên trường đại học; Hỗ trợ hạ tầng cơ sở vật chất); xây dựng và vận hành chuyên trang nhằm kết nối cộng đồng doanh nghiệp: thông tin, chính sách, pháp luật của Nhà nước- chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo;...

Năm 2019, chỉ số Đổi mới sáng tạo của Việt Nam được Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) xếp vị trí thứ 42/141 nền kinh tế, tăng 02 bậc so với năm 2018

---

<sup>7</sup> <https://2075.com.vn/danh-muc/co-so-du-lieu-khoi-nghiep/cac-quy-dau-tu-mao-hiem/page>

(hạng 45/140, tăng 2 bậc so với năm 2017). Trong nhóm các nước thu nhập trung bình thấp (30 nước), Việt Nam xếp thứ hai.

Xếp hạng chung về Đổi mới sáng tạo của nước ta năm 2019 so với năm 2015 tăng 10 bậc với 6/7 chỉ số thành phần tăng hạng. Trong đó, Thể chế tăng 20 bậc (từ vị trí 101/140 lên thứ 81/141); Nguồn nhân lực và nghiên cứu tăng 17 bậc (từ vị trí 78 lên vị trí 61); Cơ sở hạ tầng tăng 6 bậc (thứ 88 lên vị trí 82); Trình độ phát triển của thị trường tăng 38 (từ vị trí 67 lên thứ 29); Sản phẩm kiến thức và công nghệ tăng 1 bậc (từ thứ 28 lên vị trí 27); Sản phẩm sáng tạo cải thiện 15 bậc (từ thứ 62 lên thứ 47). Trình độ phát triển kinh doanh là chỉ số duy nhất giảm bậc (năm 2019 giảm 29 bậc so với năm 2015, từ hạng 40 tụt xuống vị trí 69). Các yếu tố cấu thành trình độ phát triển kinh doanh gồm: Lao động có kiến thức; Liên kết đổi mới và Khả năng hấp thu tri thức.

### **1.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước**

Năng lực xây dựng và thực hiện thể chế đã có những cải thiện nhất định. Bên cạnh việc bổ sung, hoàn thiện khung pháp luật nhằm cải thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan đã triển khai nhiều chính sách, giải pháp nhằm triển khai có hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ về quản lý kinh tế- xã hội nói chung và khu vực kinh tế tư nhân nói riêng. Cụ thể:

- Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan tiếp tục ban hành nhiều văn bản quan trọng nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo xây dựng chính phủ điện tử, chính quyền điện tử từ cấp Trung ương đến địa phương để tạo điều kiện tăng cường hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước, đặc biệt là trong cung cấp các dịch vụ công cho cộng đồng kinh doanh. Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Bộ, các Bộ, ngành đang triển khai nâng cấp hệ thống này, trong đó có một số Bộ đã hoàn thành hoặc đang thử nghiệm. Văn phòng Chính phủ cũng đang phối hợp với các Bộ, cơ quan để kết nối một số dịch vụ công thiết yếu, phục vụ khai trương Cổng dịch vụ công quốc gia dự kiến trong tháng 11/2019. Trong quý III/2019, nhiều địa phương đã khai trương Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh nhằm đảm bảo sự thuận tiện, hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp như: Lai Châu, Cao Bằng, Quảng Trị, Kon Tum, Gia Lai,...

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Chỉ thị đã đưa ra 4 nhóm giải pháp, gồm (i) Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng; (ii) Thực hiện cải cách hành chính, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, đổi mới công

nghệ quản lý; (iii) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN, phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN; và (iv) Tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; xây dựng cơ chế giám sát, phát hiện vi phạm.

- Trên cơ sở Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, Chỉ số cải cách hành chính tiếp tục được đánh giá và công bố. Ngoài ra, chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2018 đã được Bộ Nội vụ tổng hợp và công bố. Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân (Ban IV thuộc Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ) đã tổ chức giới thiệu Bộ Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI) và mục tiêu thúc đẩy cải cách thông qua APCI. Bộ chỉ số APCI bắt đầu được thực hiện từ năm 2018 và năm 2019 là lần thứ 2 bộ chỉ số này được sử dụng để đánh giá về chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước. Nhiều cơ quan nhà nước đã triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao (mức độ 3 và 4), ngoài việc nhằm tăng tính minh bạch và thuận lợi còn tạo điều kiện dễ dàng để giám sát, đánh giá từ cơ quan hữu quan và cộng đồng doanh nghiệp, người dân. Một số địa phương (Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế,...) đã tích cực triển khai và hoàn thiện hệ thống Kiến trúc chính quyền điện tử và đã đạt được những kết quả tích cực. Theo báo cáo của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, 100% các Bộ, cơ quan đã thành lập Ban Chỉ đạo và Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025. Hiện đã đưa vào vận hành một số hệ thống thông tin nền tảng có ý nghĩa, như: Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (E-Cabinet). Ngày 05/9/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 73/2019/NĐ-CP quy định về Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam tổ chức tập huấn với 63 tỉnh, thành phố về đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2019.

Trong quý III/2019, nhiều địa phương đã khai trương Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh nhằm đảm bảo sự thuận tiện, hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp như: Lai Châu, Cao Bằng, Quảng Trị, Kon Tum, Gia Lai,...

Tính đến 30/8/2019 đã có 99,67 % tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước<sup>8</sup> tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử; số lượng hồ sơ khai thuế điện tử đã tiếp nhận từ 01/01/2019 đến ngày 30/08/2019 là 9.138.420 hồ sơ. Trong khi đó, đến 30/08/2019, 99,17%<sup>9</sup> tổng số doanh nghiệp đang hoạt động đã đăng ký

---

<sup>8</sup> 738.890 doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử

<sup>9</sup> Số lượng doanh nghiệp đã đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế là 735.113 doanh nghiệp trên tổng số 741.302 doanh nghiệp đang hoạt động

tham gia sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế. Số lượng doanh nghiệp hoàn thành đăng ký dịch vụ với ngân hàng là 727.981 doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 98,20% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động. Từ 01/01/2019 đến ngày 30/8/2019, các doanh nghiệp đã nộp tiền thuế thông qua 2.473.521 giao dịch nộp thuế điện tử với số tiền là 439.350 tỷ đồng. Hoạt động hoàn thuế điện tử cũng đạt những kết quả tích cực. Tính từ ngày 01/01/2019 đến 30/8/2019 tổng số doanh nghiệp tham gia hoàn thuế điện tử là 6.963 trên tổng số 7.421 doanh nghiệp hoàn thuế đạt tỷ lệ 93.82%; số hồ sơ tiếp nhận là 16.465 hồ sơ trên tổng số 17.193 hồ sơ đạt tỷ lệ 95.76%, tổng số hồ sơ hệ thống đã giải quyết hoàn là 12.525 hồ sơ với tổng số tiền đã giải quyết hoàn là hơn 76.553 tỷ đồng.

- Công dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp Bộ đã được các Bộ, ngành tích cực triển khai nâng cấp, trong đó có một số Bộ đã hoàn thành hoặc đang thử nghiệm. Văn phòng Chính phủ cũng đang phối hợp với các Bộ, cơ quan để kết nối một số dịch vụ công thiết yếu, phục vụ khai trương Công dịch vụ công quốc gia dự kiến trong tháng 11/2019. Các Bộ, cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước đã triển khai gửi, nhận văn bản điện tử trên Trục liên thông văn bản quốc gia; từ ngày 12/3/2019 đến ngày 21/7/2019, đã có 68.257 văn bản gửi và 203.553 văn bản nhận; 62/95 Bộ, cơ quan, địa phương đã hoàn thành việc nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và điều hành; có 85/95 cơ quan đã tích hợp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ...

Cơ chế một cửa quốc gia tiếp tục được triển khai tích cực. Đã triển khai 61 thủ tục hành chính mới trên Cơ chế một cửa quốc gia trong năm 2019. Tính đến ngày 30/8/2019, đã có 13 Bộ, ngành tham gia kết nối; 174 thủ tục hành chính được đưa lên Cơ chế một cửa quốc gia với tổng số hồ sơ hành chính đã được xử lý trên Cổng thông tin một cửa quốc gia xấp xỉ 2,34 triệu bộ hồ sơ và trên 31,8 nghìn doanh nghiệp tham gia (Riêng từ 01/01 - 30/8/2019, số hồ sơ đã được xử lý gần 608,8 nghìn bộ hồ sơ của hơn 5,45 nghìn doanh nghiệp tham gia).

- Công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động của khu vực doanh nghiệp tiếp tục được chấn chỉnh theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 05/3/2018 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp trong năm 2018. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã giao Thanh tra Chính phủ chủ trì thực hiện tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và báo cáo kết quả Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11/2019.

Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 4312/KH-BNV ngày 09/9/2019 về triển

khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 3999/KH-BNV ngày 21/8/2019 về kế hoạch thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án văn hóa công vụ... Trong quý III/2019, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lê Vĩnh Tân – Tổ trưởng Tổ công tác về kiểm tra công vụ đã có buổi làm việc và kiểm tra hoạt động công vụ tại Bộ GDĐT; Bộ Y tế; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các địa phương: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Lai Châu, Bắc Kạn, Cao Bằng.

Trong quý III/2019, Các Bộ, ngành và địa phương rà soát thường xuyên thời gian, đối tượng, kế hoạch thanh tra hằng năm kịp thời phối hợp và xử lý, không để xảy ra việc chồng chéo. Đồng thời, quán triệt toàn thể cán bộ, công chức khi triển khai tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra phải thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường tuyên truyền pháp luật về thanh tra cho mọi đối tượng để thực hiện.

- Hoạt động tiếp xúc, gặp mặt doanh nghiệp thường kỳ giữa lãnh đạo địa phương, lãnh đạo các sở ngành với cộng đồng kinh doanh được triển khai thường xuyên ở hầu hết các tỉnh, thành phố, thậm chí ở cả cấp quận, huyện; tần suất thông thường khoảng 2-3 lần/năm. Một số tỉnh, số lần tiếp xúc, gặp mặt của lãnh đạo với cộng đồng kinh doanh còn diễn ra thường xuyên hàng tháng và được đưa vào Chương trình/kế hoạch của địa phương.

## **2. Một số kết quả đạt được**

### **2.1. Kết quả về triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết**

Nhận thức và hành động đối với vai trò và tầm quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục được nâng lên ở cả cấp Trung ương đến địa phương thông qua nhiều diễn đàn, hội nghị,...

Khung pháp luật và chính sách tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện nhằm khuyến khích và hỗ trợ cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Việc triển khai các quy định, chính sách cũng đạt được những kết quả khả quan thông qua quá trình cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước.

Kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định tạo nền tảng cho khu vực kinh doanh, trong đó có khu vực kinh tế tư nhân phát triển ổn định. Một số chỉ số môi trường kinh doanh quan trọng đã có những cải thiện như nộp thuế và tiếp cận tín dụng.

Các điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính tiếp tục được gỡ bỏ và đơn giản hoá. Chi phí kinh doanh tiếp tục được chú trọng để cắt giảm thông qua việc



triển khai tích cực các giải pháp của Chính phủ và các cơ quan có liên quan. Nhiều khoản chi phí đã được giảm xuống, giảm gánh nặng về tài chính cho khu vực kinh doanh nói chung, đặc biệt là rất có ý nghĩa với khu vực kinh tế tư nhân với phần lớn có quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

Thị trường các nhân tố cho sản xuất kinh doanh ngày càng được hoàn thiện và phát triển theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu thực tiễn của cộng đồng kinh doanh, trên cơ sở dựa trên các nguyên tắc phân bổ của thị trường.

Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh được cải thiện, hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý ngày càng được nâng lên nhờ quá trình cải cách thủ tục hành chính cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

Các chính sách hỗ trợ tiếp tục được triển khai, đặc biệt là chính sách liên quan đến hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cũng như hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao.

Mức độ bảo vệ quyền lợi hợp pháp người kinh doanh tiếp tục được nâng lên, giảm mức độ rủi ro trong kinh doanh và tăng niềm tin của nhà đầu tư.

Tinh thần khởi nghiệp tiếp tục được lan toả rộng rãi, số lượng doanh nghiệp thành lập mới không ngừng tăng lên hàng năm với kỷ lục về số lượng được xác lập sau mỗi năm từ khi triển khai Nghị quyết.

## **2.2. Kết quả về phát triển khu vực kinh tế tư nhân**

a) Số lượng cơ sở kinh doanh của khu vực tư nhân tiếp tục tăng, đặc biệt là trong khu vực doanh nghiệp

Đến cuối năm 2018, số lượng các cơ sở kinh doanh trong khu vực kinh tế tư nhân (gồm các doanh nghiệp của tư nhân, các hộ kinh doanh cá thể) khoảng gần 6 triệu đơn vị với gần 715 nghìn doanh nghiệp, chiếm khoảng gần 11% tổng số cơ sở kinh doanh. Trung bình, trong giai đoạn 2011- 2018, mỗi năm số cơ sở kinh doanh tăng khoảng 3,4%.

	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019*</b>
Số doanh nghiệp thành lập mới	110.100	126.859	131.275	114.456
Số doanh nghiệp quay lại hoạt động	26.689	26.448	34.010	34.868
Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường:				
- Đăng ký tạm ngừng KD	19.917	21.684	27.126	26.335
- Hoàn tất giải thể	12.478	12.113	16.314	13.486
Tổng số lao động đăng ký của các	1.267.961	1.161.321	1.107.101	1.024.518

doanh nghiệp thành lập mới				
Vốn DN thành lập mới (tỷ đồng)	891.094	1.295.911	1.478.101	1.434.411
Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế (tỷ đồng)	2.520.913	3.165.233	3.886.892	3.327.821

Ghi chú: \*: Số liệu tính đến hết tháng 10/2019

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Tổng cục Thống kê

Trong giai đoạn 2016- 2019, trung bình mỗi năm có khoảng 120 nghìn doanh nghiệp thành lập mới. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động kinh doanh trong giai đoạn này trung bình khoảng 81,6 nghìn doanh nghiệp/năm và số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh quay trở lại hoạt động trung bình khoảng gần 28,8 nghìn doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh/tổng số doanh nghiệp thành lập mới hàng năm có xu hướng tăng lên trong giai đoạn 2017- 2019, năm 2017 là 57,3%; năm 2018 là 67,7% và 10 tháng đầu năm 2019 là 83,7%. Như vậy, mặc dù số lượng doanh nghiệp thành lập mới liên tục tăng nhưng tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh cũng tăng nhanh.

Số lượng doanh nghiệp trung bình trên 1.000 dân và 1.000 người lao động liên tục có sự gia tăng với tốc độ ngày càng lớn. Năm 2018 trung bình 1.000 người dân có 7,6 doanh nghiệp (con số này năm 2016 là 5,4 và năm 2017 là 6), trong khi đó, số doanh nghiệp trên 1.000 lao động từ 15 tuổi năm 2018 là 11,5 (con số này năm 2016 là 9,3 và 2017 là 10,2).

	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019*</b>
Số doanh nghiệp đang hoạt động 31/12 hàng năm	573.992	654.633	714.755	760.600 <sup>a</sup>
Số lao động đang làm việc trong các DN có kết quả SXKD	14.012.276	14.512.179	15.200.000 <sup>a</sup>	15.800.000 <sup>a</sup>
- Trong đó khu vực tư nhân	8.572.418	8.800.316	n.a	n.a
Số hộ kinh doanh	4.909.827	5.142.978	n.a	n.a
Số lao động làm việc trong các hộ kinh doanh	8.261.870	8.701.319	n.a	n.a

Ghi chú: \*: Số liệu tính đến hết tháng 9/2019; a: ước tính

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Về hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân. Tính riêng khu vực doanh nghiệp, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động đến cuối năm 2018 khoảng 715 nghìn, trong đó số doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân chiếm đa số với khoảng trên 690 nghìn doanh nghiệp. Tổng số lao động trong khu vực doanh nghiệp năm 2018 khoảng 15,2 triệu với khoảng 60% thuộc khu vực của tư nhân (khoảng 9,1 triệu người). Trong khi đó, khu vực hộ kinh doanh cá thể có khoảng 5,2 triệu cơ sở năm 2018 với số lượng lao động khoảng 9 triệu người, tương đương với số lao động trong khu vực doanh nghiệp. Như vậy, tổng số lao động trong các cơ sở kinh doanh của khu vực tư nhân (gồm khu vực doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp) là khoảng trên 18 triệu người vào cuối năm 2018.

Quy mô của kinh tế tư nhân chủ yếu thuộc nhóm nhỏ và vừa, trong khi khu vực doanh nghiệp tỷ lệ thuộc nhóm quy mô nhỏ và vừa chiếm khoảng 97-98% thì đa phần các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực hộ kinh doanh là siêu nhỏ và nhỏ.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây đã xuất hiện những tập đoàn kinh tế lớn trong khu vực tư nhân với quy mô ngày càng tăng, tiềm lực lớn và đã tham gia đầu tư vào những ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến phát triển kinh tế- xã hội đất nước như phát triển hạ tầng, công nghệ thông tin, lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực chế tạo kỹ thuật cao,... Theo thống kê, hiện có 9/29 doanh nghiệp Việt Nam có giá trị vốn hoá trên 1 tỷ USD thuộc khu vực tư nhân (Vingroup, Masan, Vietjet, Trường Hải, Techcombank, Thế Giới Di Động, Novaland, Hòa Phát,...). Còn theo xếp hạng của Báo cáo Việt Nam (VNR), năm 2018, trong danh sách 50 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, có 17 doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân (con số này năm 2016 là 11 doanh nghiệp và năm 2017 là 16 doanh nghiệp). Đặc biệt, kể từ khi bảng xếp hạng được công bố, năm 2018 là lần đầu tiên có 1 doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân nằm trong danh sách 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Tập đoàn Vingroup).

b) Đóng góp của kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế- xã hội ngày càng quan trọng

Khu vực kinh tế tư nhân năm 2018 chiếm tỷ trọng 38,3% GDP (không tính khu vực kinh tế tập thể), là khu vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong ba khu vực.

	2016	2017	2018	2019*
<i>Đóng góp GDP (%)</i>				
- Kinh tế nhà nước	28.81	28.63	27.67	
- Kinh tế tập thể	3.92	3.76	3.74	
- Kinh tế tư nhân	38.64	37.99	38.34	
Trong đó khu vực DN	8.20	8.64	9.10	
- Khu vực FDI	18.59	19.63	20.28	

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp SP	10.04	10.00	9.97	
Đóng góp trong đầu tư phát triển				
- Kinh tế nhà nước	37.5	35.7	33.3	32.5
- Kinh tế tư nhân	38.9	40.6	43.3	44.7
- Khu vực FDI	23.6	23.7	23.4	22.8

Ghi chú: \*: Số liệu dự báo của Tổng cục Thống kê

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đóng góp trong đầu tư phát triển của khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục tăng về tỷ trọng, năm 2019 chiếm 44,7% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội (năm 2018 là 43,3% và năm 2017 là 40,6%), và là khu vực chiếm tỷ trọng lớn nhất (kinh tế nhà nước chiếm 32,5% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 22,8%).

Khu vực kinh tế ngoài nhà nước năm 2019 chiếm trên 83% tổng số lao động trong nền kinh tế, trong đó khu vực kinh doanh (gồm khu vực doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể) chiếm khoảng 33%. Số lượng và tỷ trọng lao động của khu vực kinh doanh trong kinh tế tư nhân liên tục tăng, đặc biệt là trong khu vực doanh nghiệp của tư nhân.

Năng suất lao động của kinh tế tư nhân, đặc biệt là trong khu vực doanh nghiệp của tư nhân tiếp tục được cải thiện, có tốc độ tăng cao hơn so với mức trung bình.

### **3. Tồn tại, hạn chế**

#### ***3.1. Tồn tại trong phát triển kinh tế tư nhân***

Khung pháp luật và chính sách đối với phát triển kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân nói riêng vẫn còn những bất cập, chưa thực sự đồng bộ. Một số quy định và chính sách được ban hành chưa phù hợp, tính khả thi thấp.

Tỷ trọng của khu vực kinh tế tư nhân không cho thấy có sự thay đổi đáng kể trong nhiều năm qua. Với thực tế này thì khả năng khu vực này đạt mục tiêu 50% GDP vào năm 2020 là khó đạt nếu không có sự thay đổi đột biến.

Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân chưa thực sự có sự thay đổi lớn, đặc biệt là trong xuất khẩu; năng lực khoa học- công nghệ còn thấp,... năng lực cạnh tranh còn hạn chế, do quy mô nhỏ nên rất nhiều doanh nghiệp trong nước chưa đủ năng lực cạnh tranh để xuất khẩu sang thị trường nước ngoài. Các doanh nghiệp khu vực tư nhân phần lớn không đủ khả năng tham gia vào mạng sản xuất và các chuỗi giá trị toàn cầu.

Hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân còn chưa cao, hiệu suất sử dụng vốn (hệ số ICOR) của kinh tế tư nhân vẫn thấp, đặc biệt so với khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, không có nhiều cải thiện trong một thời gian dài.

Năng suất lao động khu vực kinh tế tư nhân- với chủ yếu lại là các doanh nghiệp nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hộ gia đình- còn thấp.

Cơ cấu ngành nghề chưa đa dạng và thiếu nhạy bén với thị trường, chủ yếu tập trung hoạt động lĩnh vực hoạt động thương mại, dịch vụ, trong khi chỉ có 1% đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất còn hạn chế, dẫn đến chậm thay đổi cơ cấu sản phẩm, ngành nghề.

Sự phân biệt đối xử giữa khu vực tư nhân và khu vực doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn khá phổ biến, đặc biệt là trong thực thi. Bên cạnh đó, phân biệt đối xử cũng xảy ra giữa các doanh nghiệp trong chính khu vực tư nhân, đặc biệt là các vấn đề “lợi ích nhóm”, “doanh nghiệp sân sau” đã làm cho môi trường kinh doanh thiếu minh bạch và lành mạnh. Khu vực tư nhân có ít cơ hội tiếp cận nguồn lực, nhất là đất đai, tài nguyên do phần lớn được giao cho các doanh nghiệp nhà nước quản lý, khai thác. Điều này lại càng đúng với các cơ sở kinh doanh quy mô nhỏ và siêu nhỏ của tư nhân.

Sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt là các dự án lớn có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hoặc vốn ODA còn rất hạn chế.

Khu vực tư nhân Việt Nam vẫn “chậm và khó lớn”, số lượng các tập đoàn tư nhân quy mô lớn vẫn rất ít, con số này càng ít trong lĩnh vực đầu tư sản xuất, phần lớn các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn nhờ kinh doanh bất động sản.

Năng lực quản trị và hội nhập kinh tế quốc tế còn nhiều hạn chế. Tinh thần kinh doanh

### ***3.2. Tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện Nghị quyết***

Nhìn chung, các Bộ, ngành, địa phương đã hiểu rõ yêu cầu cải cách môi trường kinh doanh theo và phát triển doanh nghiệp tư nhân; đã chủ động, sáng tạo hơn và tích cực trong triển khai thực hiện nghị quyết. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Nghị quyết 98/NQ-CP còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

(i) Rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vẫn rất cao và khó đoán định. Mặc dù quy định ở cấp độ luật và nghị định tương đối ổn định qua các năm song các quy định hướng dẫn ở cấp độ thông tư, đặc biệt là văn bản chỉ đạo điều hành vẫn rất lớn. Bình quân những năm gần đây vẫn có khoảng gần 500 thông tư và khoảng từ trên 2.000 đến gần 4.000 văn bản chỉ đạo điều hành được ban hành. Điều này tạo không ít khó khăn và rủi ro cho doanh nghiệp do sự mâu thuẫn, chông chéo, từ đó sẽ dẫn đến tình trạng khó có thể tuân

thủ và tuân thủ đúng các quy định, hướng dẫn. Ngoài ra, việc có nhiều các quy định, hướng dẫn cũng sẽ tạo điều kiện để các cơ quan có liên quan dễ dàng can thiệp vào hoạt động kinh doanh, vì vậy dễ dẫn đến tình trạng hạch sách, những nhiễu đối với doanh nghiệp.

Ngoài ra, vấn đề “hậu kiểm” vẫn đang là một thách thức lớn trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt đối với những cơ sở kinh doanh “chính thức” như các doanh nghiệp. Đây vẫn được coi như là một trong những “cớ” để các cơ quan liên quan can thiệp vào hoạt động của doanh nghiệp thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra. Việc thanh tra, kiểm tra theo yêu cầu của hoạt động “hậu kiểm” vẫn có thiên hướng nhằm phát hiện vi phạm để xử lý hơn là hỗ trợ, giúp doanh nghiệp tuân thủ pháp luật tốt hơn.

(ii) Cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hoá, cắt giảm điều kiện kinh doanh, kiểm tra chuyên ngành để cải thiện môi trường kinh doanh chưa được thực hiện đồng bộ ở các Bộ, ngành và địa phương nên hiệu quả chưa cao. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hoá các quy trình tiếp nhận, chuyển giao thủ tục hành chính, xây dựng cơ sở dữ liệu sử dụng chung giữa các bộ ngành, mặc dù đã được cải thiện xong vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế. Bên cạnh đó, tư duy quản lý nhà nước còn chậm đổi mới nên chưa tạo ra những thay đổi thực sự thiết thực, đáp ứng được mong muốn của cộng đồng kinh doanh.

Các doanh nghiệp tiếp tục có các phản ánh, kiến nghị liên quan tới thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh, sự mâu thuẫn, không rõ ràng giữa các quy định pháp lý, chưa tiếp cận với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước... Theo báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, trong Quý III/2019, mặc dù nhận được số kiến nghị khá lớn nhưng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính trả lời kiến nghị doanh nghiệp kịp thời, trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Bộ trả lời khá nhanh và số lượng kiến nghị quá hạn trả lời ít so với tổng số kiến nghị đã nhận được. Một số bộ, ngành trả lời kiến nghị chậm như: Bộ Y tế; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh,... Theo thống kê, theo dõi của VCCI, từ 1/1/2019 đến hết 31/8/2019, còn 192 kiến nghị của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp chưa được các bộ, ngành, địa phương trả lời. Lượng kiến nghị tồn đọng chưa trả lời của tháng 8/2019 khá lớn (84 kiến nghị, chiếm gần một nửa số kiến nghị chưa trả lời) do các doanh nghiệp gửi kiến nghị nhiều vào cuối tháng, các bộ, ngành chưa kịp trả lời. Một số kiến nghị tồn đọng từ đầu năm nhưng vẫn chưa được giải quyết.

Bộ máy tổ chức thực thi các chức năng, nhiệm vụ liên quan đến các hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân mặc dù có những thay đổi nhưng chưa thực sự phù hợp, thiếu tính chuyên nghiệp. Thể hiện:

+ Cơ cấu tổ chức chưa phù hợp với yêu cầu để hỗ trợ, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế nói chung và kinh tế tư nhân phát triển.

+ Trình độ của cán bộ chưa đáp ứng được sự thay đổi, đặc biệt là trong giai đoạn có sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ (CMCN 4.0).

+ Vẫn còn sự phân biệt đối xử trong cách ứng xử của cán bộ khi tiếp xúc, làm việc với giữa khu vực tư nhân và các khu vực kinh tế nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, thậm chí là giữa các doanh nghiệp, cơ sở trong chính khu vực tư nhân.

(iii) Chất lượng môi trường kinh doanh, đầu tư vẫn còn những hạn chế đòi hỏi tiếp tục cải thiện một cách mạnh mẽ; nhìn chung, kết quả thực hiện cho thấy chưa đạt đầy đủ các mục tiêu mà các Nghị quyết 10-NQ/TW, Nghị quyết 98/NQ-CP và các nghị quyết khác có liên quan đã đặt ra; chưa đáp ứng được kỳ vọng của cộng đồng kinh doanh.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 2019, mặc dù thứ hạng môi trường kinh doanh của nước ta đã có bước cải thiện tốt (từ vị trí 77/140 năm 2018 lên vị trí 67/141 năm 2019, xong một số chỉ số vẫn bị tụt hạng như: “cơ sở hạ tầng” tụt 2 hạng từ vị trí 75 năm 2018 xuống vị trí 77 năm 2019; “Kỹ năng đào tạo” tụt 3 bậc từ vị trí 68 năm 2018 xuống vị trí 71 năm 2019; “hệ thống tài chính” tụt một hạng từ vị trí 59 năm 2018 xuống vị trí 60 năm 2019; “Cấp giấy phép xây dựng” giảm 4 bậc, từ hạng 21 năm 2018 xuống hạng 25 năm 2019; “Bảo vệ nhà đầu tư thiểu số” giảm 8 bậc, từ vị trí 89 xuống vị trí 97 năm 2019.

Cách thức quản lý nhà nước ở các Bộ, ngành và địa phương có sự thay đổi, cải cách, nhưng không đồng đều và còn chậm. Không ít các quy định của pháp luật vẫn chưa cụ thể, thiếu nhất quán, chưa tiên liệu trước được; hiệu lực thực thi thấp. Không ít cán bộ, công chức vẫn cố tình gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, người dân trong kiểm tra, thanh tra và thực hiện các thủ tục hành chính. Rủi ro đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh vẫn còn cao; kinh doanh ngầm, phi chính thức vẫn còn lớn, gây thêm tổn kém về thời gian, tiền bạc và làm mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp.

(iv) Hạn chế trong các quy định về xây dựng thể chế, chính sách dẫn đến việc kéo dài thời gian trong thể chế hóa các nội dung của Nghị quyết. Một số quy định, chính sách đã được ban hành nhưng tính khả thi không cao, đặc biệt là một số quy định liên quan đến lao động, bảo hiểm xã hội (Quy định bắt buộc người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động có hợp đồng từ 1 tháng trở lên đã gây nhiều khó khăn cho các đơn vị kinh doanh sử dụng lao động thời vụ).

(v) Các thị trường nhân tố phục vụ sản xuất vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển của khu vực kinh doanh nói chung và khu vực kinh tế tư nhân nói riêng.

Việc cụ thể hóa nhiệm vụ, nội dung các Nghị quyết thành những quy định, chính sách cụ thể đòi hỏi thời gian và sự phối hợp, tham gia của nhiều ngành, nhiều

cấp đã dẫn đến một số văn bản pháp luật, hướng dẫn thi hành và chính sách chậm được ban hành, nhiều quy định chưa đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tính khả thi thấp. Thực tế này đã góp phần cho tình trạng chồng chéo, thiếu sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ giải pháp nhằm khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân. Nhiều dự án, chương trình hỗ trợ vẫn mang tính manh mún, thiếu hiệu quả và chưa được giám sát, đánh giá đúng với thực tiễn.

## **4. Nguyên nhân**

### **4.1. Nguyên nhân của những kết quả đạt được**

Mặc dù tình hình quốc tế diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi, Chính phủ đã chỉ đạo tập trung rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, đưa ra định hướng, giải pháp tạo động lực phát triển các ngành, lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế. Nhờ đó, năm 2019, là năm thứ 2 liên tiếp đạt và vượt toàn bộ 12 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó 5 chỉ tiêu vượt kế hoạch. Tăng trưởng kinh tế vượt mục tiêu đề ra, GDP cả năm ước đạt 6,8%, trong khi vẫn duy trì ổn định kinh tế vĩ mô vững chắc hơn, lạm phát được kiểm soát tốt, chỉ số CPI dự kiến ở mức dưới 3% và các cân đối lớn của nền kinh tế được củng cố, mở rộng. Thị trường tài chính, tiền tệ và tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt và duy trì ổn định phù hợp; dự trữ ngoại hối đạt khoảng 73 tỷ USD.

Mặc dù các quy định và chính sách về khuyến khích, hỗ trợ đối với khu vực kinh doanh không quy định riêng cho khu vực tư nhân, song do đặc thù của khu vực này là quy mô nhỏ, hạn chế nguồn lực nên phần lớn đối tượng của các chính sách khuyến khích, hỗ trợ là các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh thuộc khu vực kinh tế tư nhân.

Nội dung các yêu cầu cải thiện môi trường kinh doanh ngày càng được quy định chi tiết, có ưu tiên, điểm nhấn cho mỗi lĩnh vực. Do đó, việc phân công nhiệm vụ và gắn trách nhiệm được thực hiện một cách rõ ràng; từ đó tạo điều kiện cho việc giám sát, đánh giá một cách thuận lợi và hiệu quả hơn.

Hệ số tín nhiệm quốc gia được nâng hạng từ BB- lên BB với triển vọng “tích cực”. Tổng thu NSNN vượt 3,3% dự toán; tỷ trọng chi đầu tư phát triển tăng, đạt 26,6% (năm 2017 đạt 25,8%, năm 2018 đạt 25,7%); bội chi NSNN khoảng 3,4% GDP (năm 2018 là 3,46%). Tập trung tháo gỡ khó khăn nhiều mặt nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm.

Huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là đầu tư tư nhân với nhiều dự án lớn được triển khai mạnh mẽ. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước khoảng 33,8% GDP; tỷ trọng đầu tư của khu vực ngoài nhà nước tăng lên 45,3%, theo đúng định hướng tăng cường thu hút các nguồn lực xã hội. Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện 9 tháng đạt 14,2 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay. Trong



bối cảnh thương mại toàn cầu suy giảm, xuất khẩu vẫn tăng khoảng 7,9%; xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước tăng mạnh; xuất siêu năm thứ tư liên tiếp

Diễn đàn Kinh tế Thế giới đánh giá năng lực cạnh tranh của Việt Nam cải thiện vượt bậc trên cả 3 trụ cột thể chế, cơ sở hạ tầng và kỹ năng, xếp thứ 67/141 quốc gia, vùng lãnh thổ, tăng 10 bậc so với năm 2018.

Môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện ở một số chỉ số quan trọng:

- Thuế (tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp duy trì ở mức hợp lý, thủ tục nộp thuế tiếp tục được cải thiện và chi phí giảm trong nhiều năm liền); trong đó, những cải thiện đáng kể gồm đơn giản hoá và hiện đại hoá thủ tục nộp thuế như kê khai thuế trực tuyến và nộp thuế gộp VAT và thuế môn bài, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ cho Tổng cục Thuế; chi phí nộp thuế giảm, giảm mức đóng góp của chủ doanh nghiệp vào quỹ của người lao động; bỏ yêu cầu phải có tài khoản tín dụng thuế VAT.

- Tiếp cận tín dụng tiếp tục được cải thiện trong 3 năm trở lại đây với việc mở rộng phạm vi tài sản dùng để thế chấp trong Bộ luật Dân sự; cải thiện việc tiếp cận thông tin của những nhà bán lẻ.

- Năng lực nghiên cứu năm 2019 được cải thiện. Theo đánh giá của Trường Đại học Cornell và Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), năm 2019, chỉ số “Vốn con người và năng lực nghiên cứu” so với năm 2018 và 2017 với thứ hạng tăng 5 bậc lên vị trí 61 (năm 2018 hạng 66 và năm 2017 hạng 70).

Chất lượng giáo dục, đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học và đào tạo nghề năm 2019 tiếp tục được cải thiện. Lần đầu tiên Việt Nam có 4 trường đại học có tên trong bảng xếp hạng Đại học của The World University Rankings 2020, gồm: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP.HCM và trường Đại học Tôn Đức Thắng. Theo Tổ chức Giáo dục Quacquarelli Symonds (Vương quốc Anh), Đại học Quốc gia TP HCM nằm trong bảng xếp hạng 500 trường đạt tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm tốt nhất thế giới.

#### **4.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

Tình hình quốc tế diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi. Kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại<sup>[11]</sup>; cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng; giá vàng tăng cao, giá dầu thô biến động mạnh; rủi ro trên thị trường quốc tế tăng lên; nhiều quốc gia nới lỏng chính sách tài chính, tiền tệ... Trong khi đó, những khó khăn, hạn chế nội tại của nền kinh tế và thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

Việc cắt giảm và đơn giản hoá điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý chưa đạt được yêu cầu, một số nơi được triển khai mang tính đối phó, cơ học

(gộp nhiều điều kiện kinh doanh thành một điều kiện hoặc chuyển thành điều kiện kinh doanh khác). Mặc dù, theo báo cáo đã có 50% điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính được cắt giảm. Tuy nhiên, vẫn có tình trạng “dồn nhiều văn bản vào một”, và số thủ tục thì không thay đổi.

Nguyên nhân sâu xa có thể là tư duy “nghiên quản lý”, năng lực của cán bộ, chế tài chưa đủ mạnh,...

Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển sang hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp mặc dù đã được ban hành, hướng dẫn cụ thể nhưng chưa hiệu quả. Mặc dù một số địa phương đã có chính sách hỗ trợ cụ thể, đặc biệt là về tài chính (có địa phương hỗ trợ lên đến 40 triệu) nhưng chưa thực sự thu hút các hộ kinh doanh.

Cơ chế đầu tư theo hình thức công tư (PPP) chưa được hoàn thiện ảnh hưởng đến việc tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong các hoạt động kinh tế. Nhiều dự án, công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước chưa thực sự tạo điều kiện để khu vực kinh tế tư nhân tham gia.

Tốc độ cổ phần hóa, thoái vốn tại các DNNN vẫn còn chậm, ảnh hưởng đến khả năng tham gia đầu tư của khu vực tư nhân

Môi trường kinh doanh, mặc dù có những cải thiện ở một số yếu tố (chỉ số), một số yếu tố lại cho thấy sự cải thiện không đáng kể, thậm chí còn tụt hạng trong năm 2019 như:

- Chỉ số khởi sự giảm 11 bậc, từ hạng 104 năm 2018 xuống hạng 115 năm 2019 (năm 2017 hạng 123).

- Chỉ số cấp giấy phép xây dựng tụt 4 bậc, từ vị trí 21 năm 2018 xuống vị trí 25 năm 2019 (năm 2017 xếp hạng 20).

- Chỉ số đăng ký tài sản giảm 4 bậc, từ vị trí 60 năm 2018 xuống vị trí 64 năm 2019 (năm 2017 ở vị trí 63).

## **II. Một số kiến nghị tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết 98/NQ-CP**

Từ những kết quả đã đạt được, tồn tại, chế như đã phân tích trên và cũng như các bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện các nghị quyết khác có liên quan của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển kinh tế kế tư nhân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Chính phủ và các cơ quan có liên quan như sau:

(i) Cần tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp về phát triển kinh tế tư nhân đã đặt ra, đặc biệt là những giải pháp đặt ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019. Cụ thể:

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, đặc biệt là hoàn thiện khung pháp luật, chính sách về thành lập, tổ chức và hoạt động của các tổ chức kinh doanh, đặc biệt

là các doanh nghiệp thông qua sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật Quản lý thuế, Bộ Luật Lao động (sửa đổi), Luật Đất đai (sửa đổi), Luật sửa đổi bổ sung Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014,... và các văn bản hướng dẫn thi hành để đảm bảo tính đồng bộ, cụ thể và minh bạch; có tính khả thi cao và dễ thực hiện.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt cần tiếp tục thực hiện quyết liệt các Nghị quyết số 35/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; Rà soát cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh nhằm đảm bảo duy trì niềm tin và tăng cường đầu tư kinh doanh bền vững. Các Bộ, ngành và địa phương chủ động bố trí vốn cho việc triển khai hoạt động; chương trình, kế hoạch hoặc đề án hỗ trợ DNNVV đã được phê duyệt trong năm 2020 và trong kế hoạch KT-XH giai đoạn 2021-2025.

(ii) Thúc đẩy khởi nghiệp, chú trọng khởi nghiệp sáng tạo trong một số ngành có lợi thế và tiềm năng; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa mô hình kinh doanh mới và kinh tế truyền thống theo hướng rà soát, bãi bỏ các quy định về điều kiện kinh doanh không phù hợp với lĩnh vực kinh doanh truyền thống; xây dựng khung thể chế thí điểm cho mô hình kinh doanh mới trong một số lĩnh vực có tiềm năng rủi ro cao. Nhanh chóng ban hành văn bản hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo để tạo khung pháp luật, chính sách cho tổ chức này hoạt động có hiệu quả.

(iii) Tiếp tục tăng cường hiệu quả triển khai Chính phủ điện tử, cơ chế một cửa quốc gia; khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ, khai thác cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Tập trung thực thi có hiệu quả nhóm giải pháp phát triển bền vững kinh tế tư nhân và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó:

+ Phát triển chuỗi giá trị và liên kết vùng nhằm phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, định hướng xuất khẩu.

+ Tăng cường năng lực xuất khẩu hàng hóa Việt vào các thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,... và mở rộng tìm kiếm các thị trường khác: Trung Đông, Châu Phi, Châu Mỹ La tinh,...

+ Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các mô hình kinh doanh bền vững, công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.

- Các Bộ, ngành và cơ quan tiếp tục rà soát, đề xuất đơn giản hóa, cắt giảm danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành; cấp giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép con và điều kiện kinh doanh còn chồng chéo gây bất cập, khó khăn và phiền hà cho doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kết quả sơ kết thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và cho ý kiến chỉ đạo./.

**PHỤ LỤC**  
**CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN BAN HÀNH NĂM 2019 TRIỂN KHAI NGHỊ**  
**QUYẾT SỐ 98/NQ-CP NGÀY 03 THÁNG 10 NĂM 2017 CỦA CHÍNH PHỦ**

<b>STT</b>	<b>Văn bản quy phạm pháp luật</b>	<b>Cơ quan ban hành/chủ trì</b>	<b>Thời gian ban hành</b>	<b>Nội dung</b>
1.	Luật số 38/2019/QH14	Quốc hội	13/6/2019	Luật Quản lý thuế
2.	Luật số 39/2019/QH14	Quốc hội	14/6/2019	Luật đầu tư công
3.	Luật số 42/2019/QH14	Quốc hội	14/6/2019	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ
4.	Nghị định số 10/2019/NĐ-CP	Chính phủ	30/01/2019	Về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước
5.	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP	Chính phủ	01/02/2019	Về doanh nghiệp khoa học và công nghệ
6.	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP	Chính phủ	01/02/2019	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp
7.	Nghị định số 16/2019/NĐ-CP	Chính phủ	01/02/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
8.	Nghị định số 39/2019/NĐ-CP	Chính phủ	10/5/2019	Về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa
9.	Nghị định số 41/2019/NĐ-CP	Chính phủ	13/5/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường
10.	Nghị định số 43/2019/NĐ-CP	Chính phủ	17/5/2019	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng
11.	Nghị định số 55/2019/NĐ-CP	Chính phủ	24/6/2019	Về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
12.	Nghị định số 68/2019/NĐ-CP	Chính phủ	14/8/2019	Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

13.	Nghị định số 75/2019/NĐ-CP	Chính phủ	08/10/2019	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh
14.	Nghị quyết số 02/NQ-CP	Chính phủ	01/01/2019	về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021
15.	Nghị quyết số 53/NQ-CP	Chính phủ	17/7/2019	Về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững
a.	Quyết định số 1362/QĐ-TTg	Thủ tướng Chính phủ	11/10/2019	Phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030
16.	Chỉ thị số 09/CT-TTg	Thủ tướng Chính phủ	01/4/2019	về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019
17.	Chỉ thị số 10/CT-TTg	Thủ tướng Chính phủ	22/4/2019	Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc
18.	Thông tư số 05/2019/TT-BTC	Bộ Tài chính	25/01/2019	Hướng dẫn kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô
19.	Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	29/3/2019	Hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
20.	Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	29/3/2019	Hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên
21.	Thông tư số 45/2019/TT-BTC	Bộ Tài chính	19/7/2019	Quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”
22.	Thông tư số 49/2019/TT-BTC	Bộ Tài chính	08/8/2019	Hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.